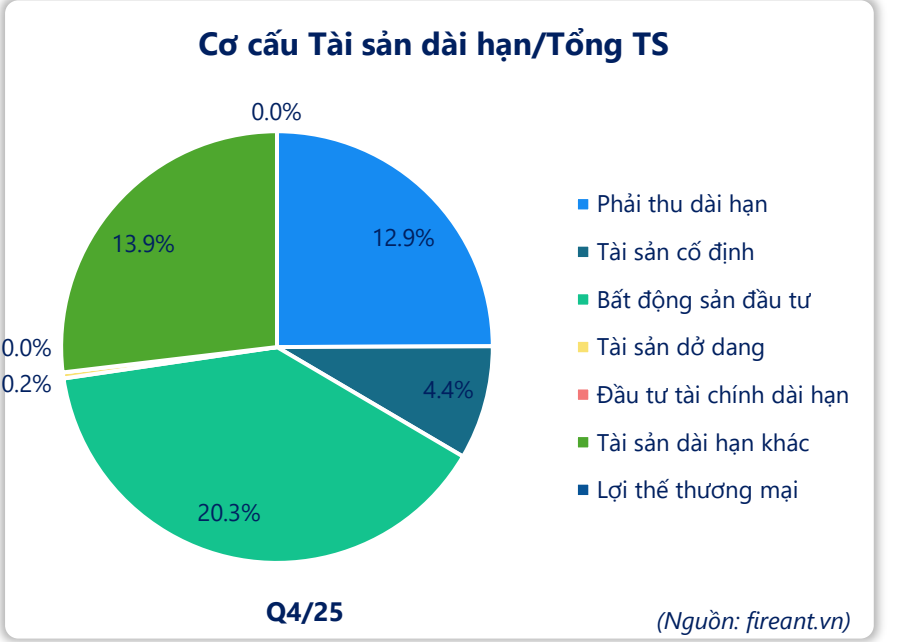
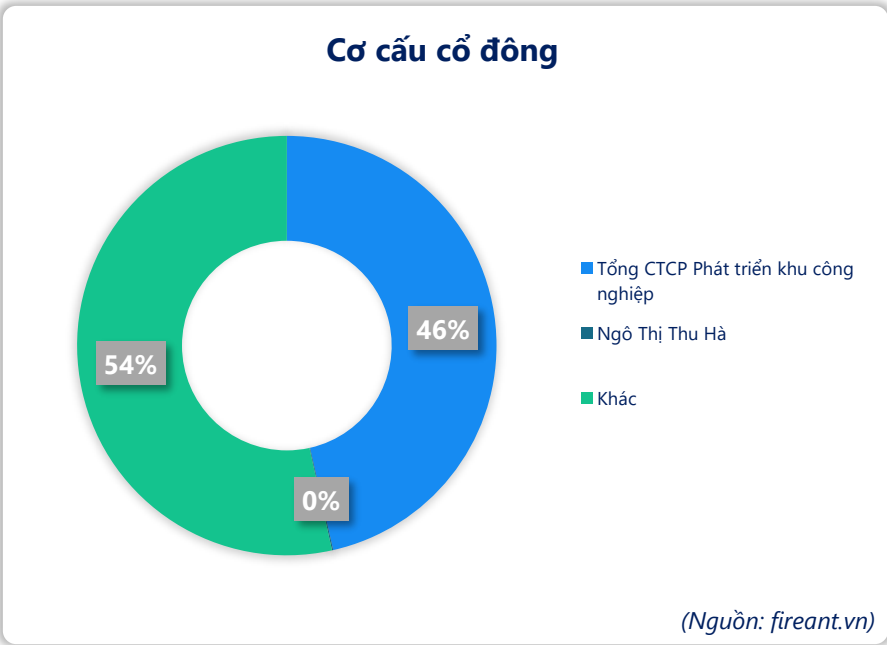
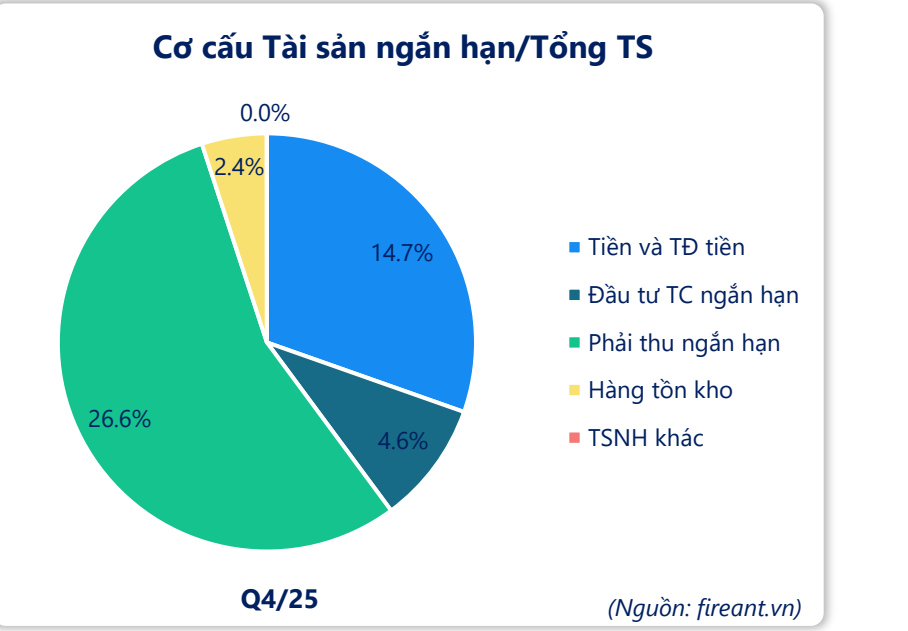
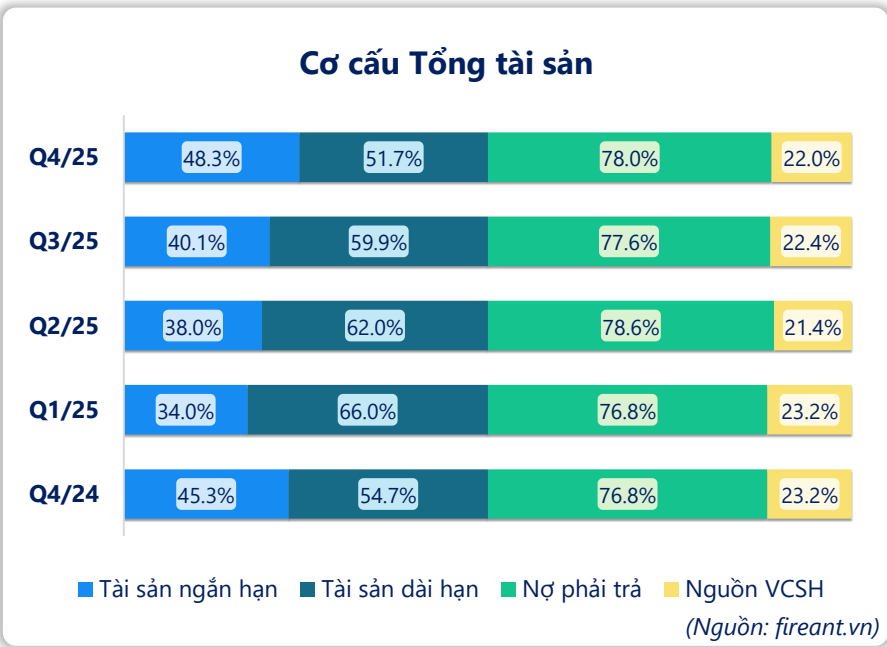
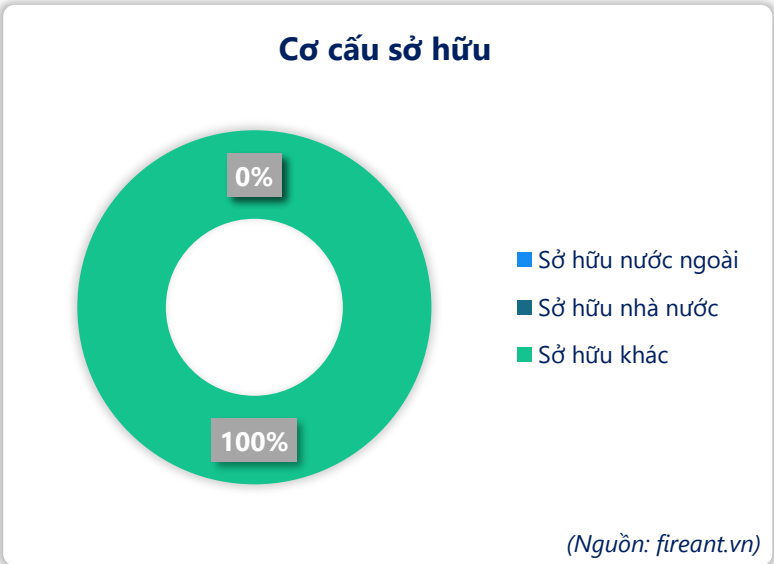
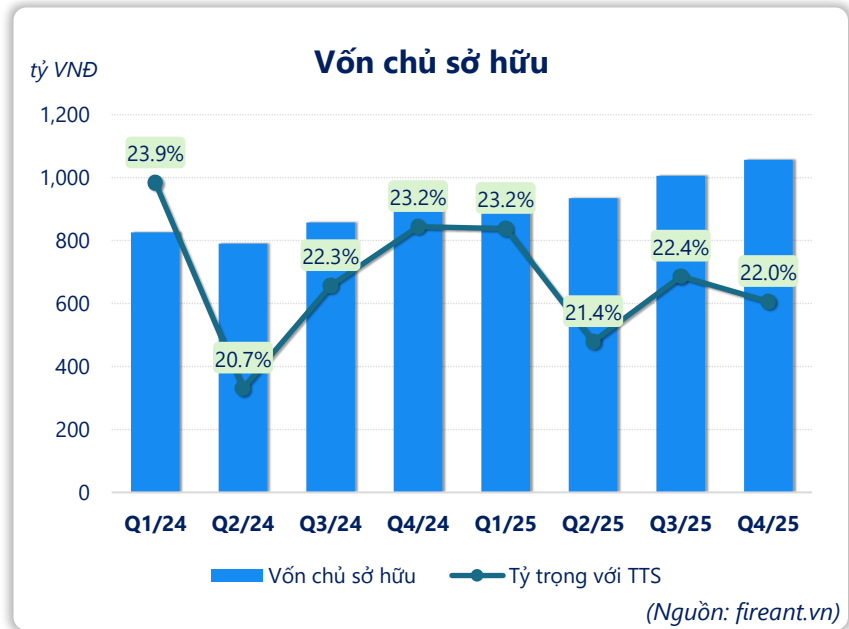
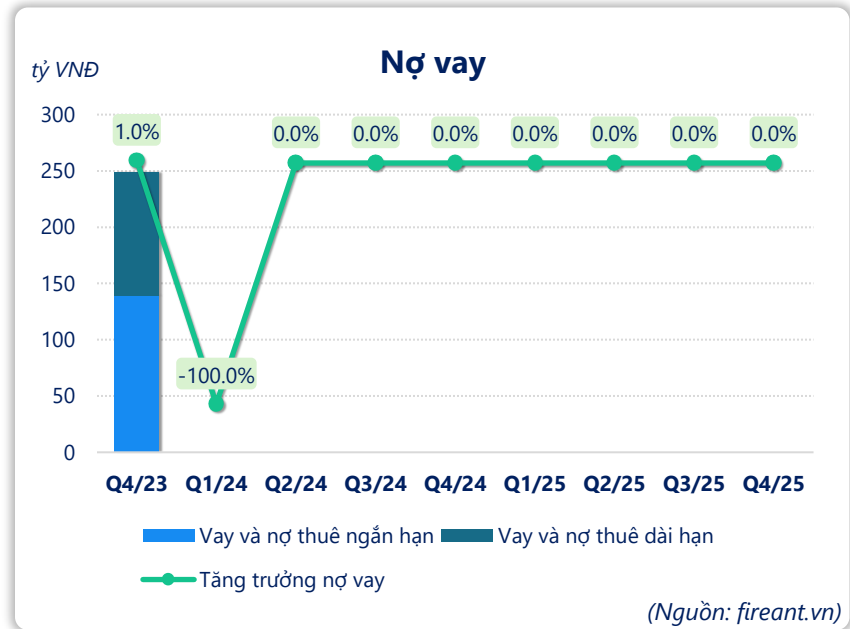
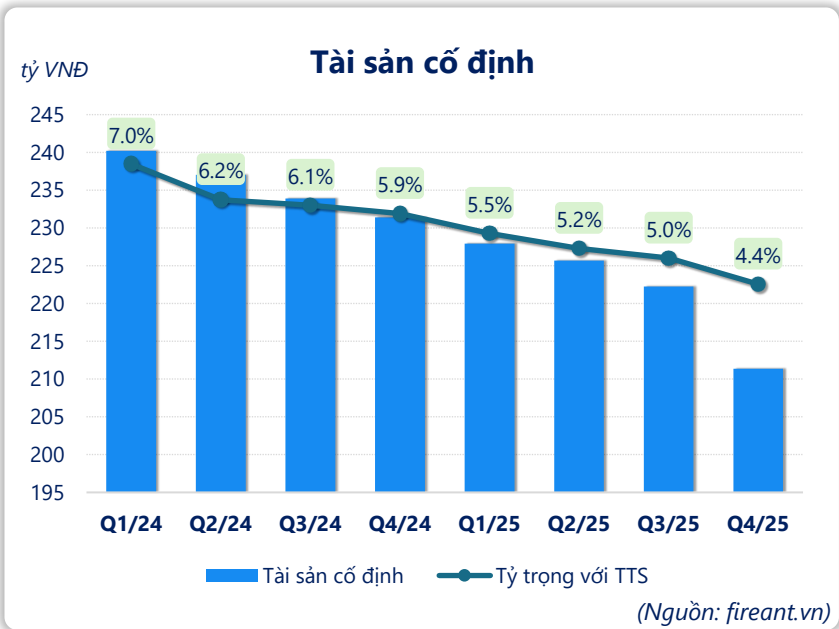
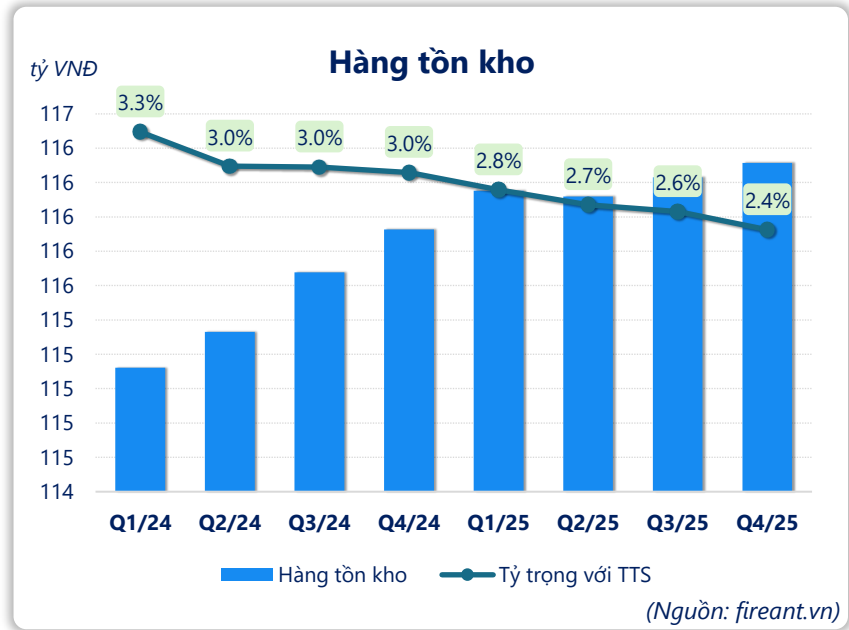
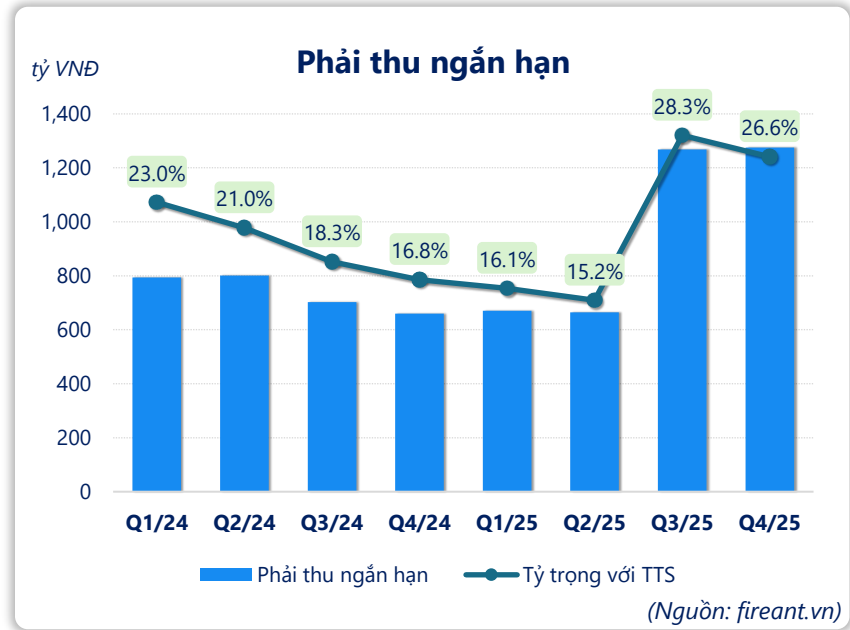
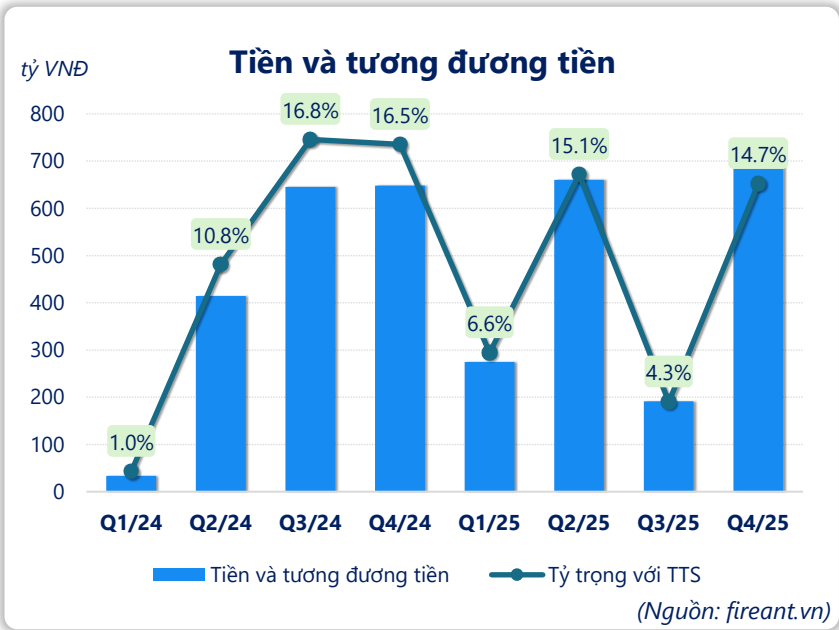
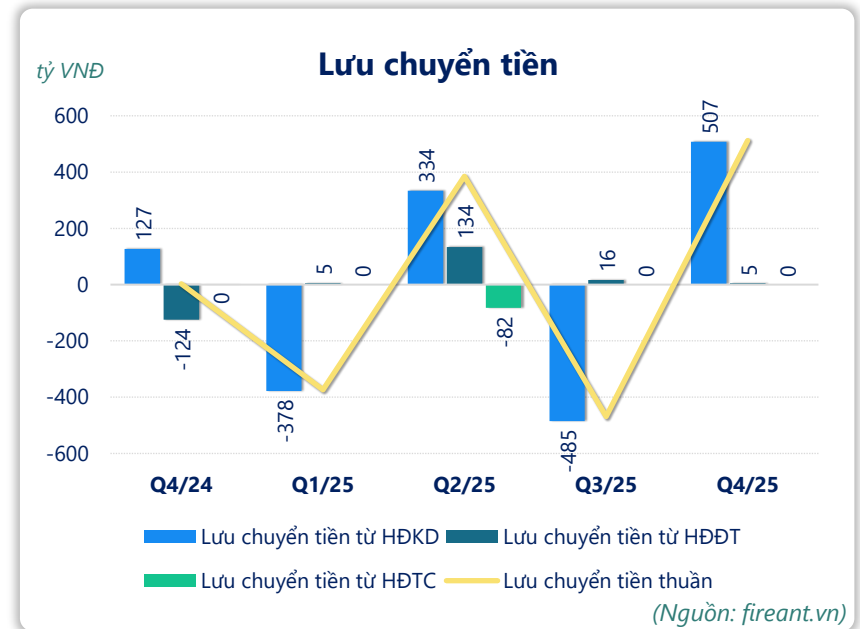
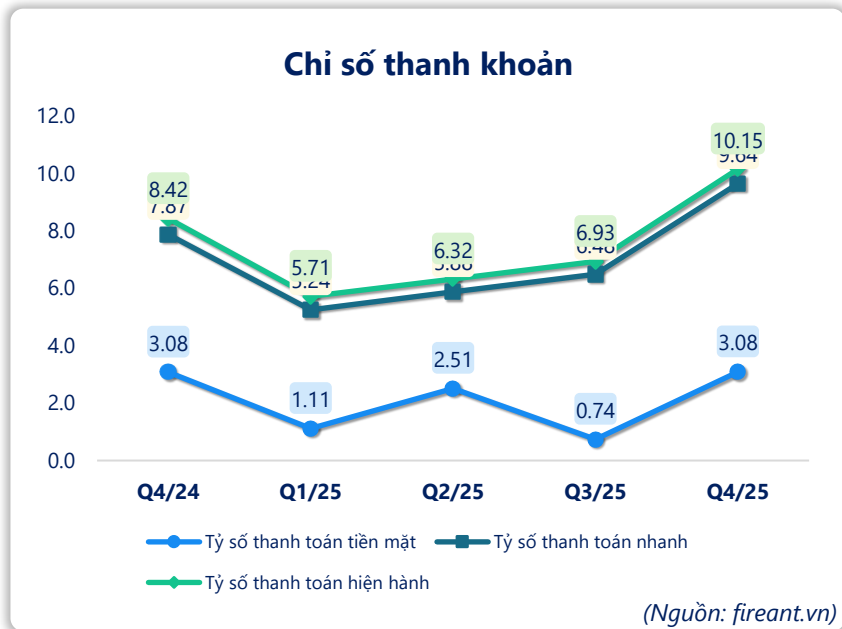
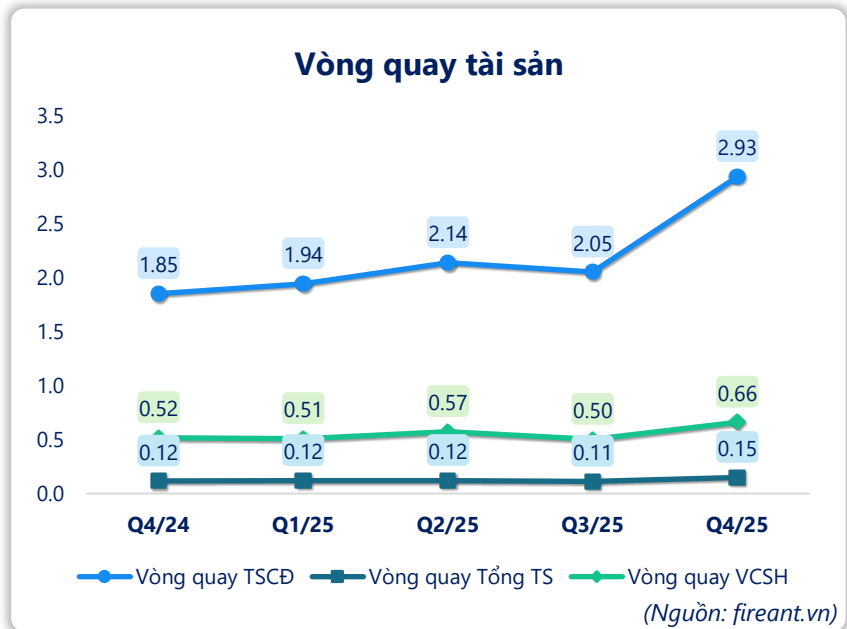
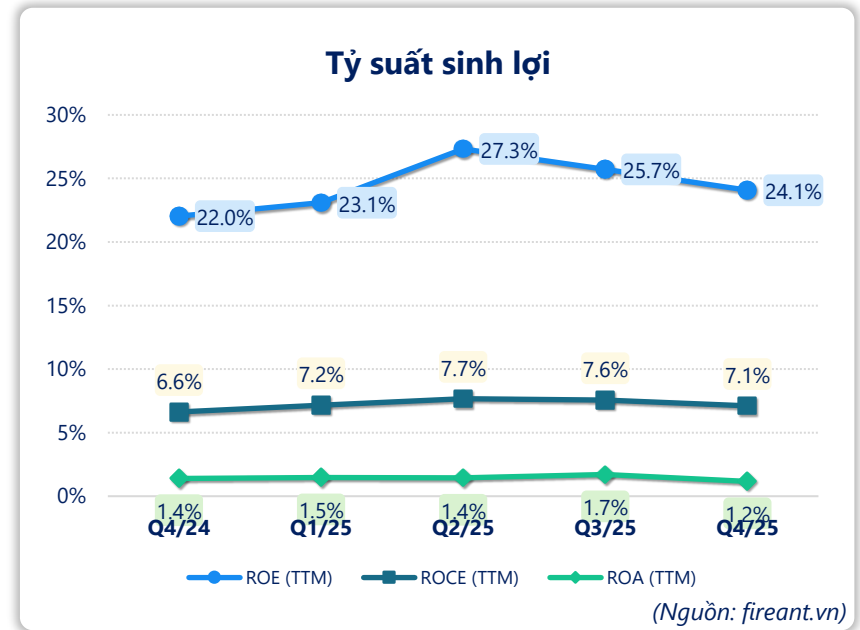
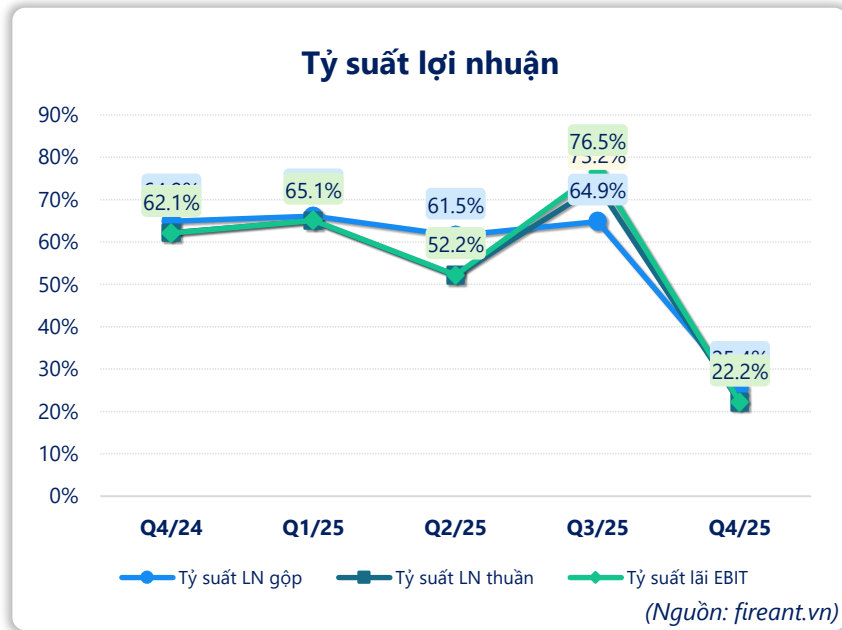
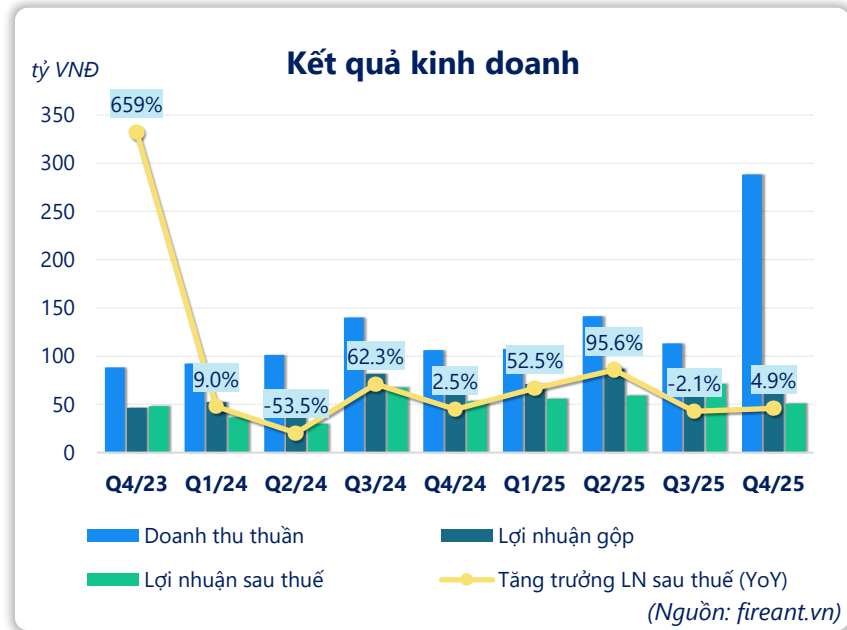


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		37,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		43,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		30,800
SL cổ phiếu LH		54,898,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		315
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		2,031
P/E		8.6
EPS		4,310

	YTD	1T	3T	6T
SZG	13.3%	2.2%	19.0%	10.1%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	4,793	3,919	22.3%
Tài sản ngắn hạn	2,315	1,774	30.5%
Tiền và tương đương tiền	704	648	8.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	219	349	-37.2%
Phải thu ngắn hạn	1,275	660	93.1%
Hàng tồn kho	116	116	0.3%
Tài sản ngắn hạn khác	0.27	0.56	-50.9%
Tài sản dài hạn	2,479	2,145	15.6%
Phải thu dài hạn	618	0	
Tài sản cố định	211	231	-8.7%
Bất động sản đầu tư	972	1,228	-20.8%
Tài sản dở dang	11.2	11.4	-1.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	666	674	-1.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	3,737	3,011	24.1%
Nợ ngắn hạn	228	213	7.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	7.11	10.7	-33.6%
Nợ dài hạn	3,509	2,798	25.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,056	908	16.3%
Vốn chủ sở hữu	1,056	908	16.3%
Vốn điều lệ	549	549	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	106	107	141	113	288
Giá vốn hàng bán	37.3	36.4	54.3	39.7	215
Lợi nhuận gộp	69.0	71.0	86.9	73.3	73.1
Doanh thu HĐTC	14.6	4.45	5.12	16.0	4.17
Chi phí TC	0.04	0.03	0.04	0.03	0.03
Chi phí lãi vay	0.03	0.03	0.03	0.03	0.03
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.76	0.61	8.40	0.58	0.77
Chi phí QLDN	16.7	5.00	9.98	5.90	12.7
LN thuần từ HĐKD	66.1	69.8	73.6	82.8	63.8
Lợi nhuận khác	-0.06	0.06	0.18	3.70	0.08
LN trước thuế	66.0	69.8	73.7	86.4	63.9
Lợi nhuận sau thuế	53.5	55.8	58.9	71.1	50.8
LNST của CĐ cty mẹ	53.5	55.8	58.9	71.1	50.8

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	127	-378	334	-485	507
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-124	4.81	134	16.2	4.76
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.08	0	-82.3	0	0
Tiền đầu kỳ	646	648	275	660	191
Lưu chuyển tiền thuần	2.69	-373	385	-469	512
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	648	275	660	191	704

(Nguồn: fireant.vn)